TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:196/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30-7-2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Luyến;

Ông Đỗ Xuân Quyết.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 117/2024/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vũ Ngọc M; Đăng ký nhân khẩu thường trú: Số A H, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng; Chỗ ở hiện nay: Số E Đ, phường M, quận H, thành phố Hải Phòng; có đơn xin xét xử vắng mặt;

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc A; Đăng ký nhân khẩu thường trú : Số A H, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng. Nơi ở hiện nay: Canada; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Vũ Ngọc M trình bày:

Anh Vũ Ngọc M và chị Nguyễn Thị Ngọc A xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục, tập quán. Nhưng đến năm 2021 anh M và chị Ngọc A mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân phường H, quận L, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống tại số A H, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng về quan điểm sống, cách sống dẫn tới thường xuyên xảy ra cãi nhau. Hai bên đã sống ly thân nhau từ tháng 8/2023 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai về mặt tình cảm cũng như kinh tế. Mặc dù hai vợ chồng đã được gia đình hai bên cố gắng hoà giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến khoảng tháng 10/2023 chị Ngọc A đã xuất cảnh sang Canada để làm việc và đến nay chưa trở về Việt Nam. Từ đó cho đến nay anh M và chị Ngọc A không có bất cứ liên lạc gì với nhau. Anh M không biết địa chỉ của chị Ngọc A tại Canada, tuy nhiên anh được biết chị Ngọc A vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình chị qua bố đẻ là ông Nguyễn Đức T; địa chỉ: Số nhà G Đ, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng. Nay anh Minh x thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Ngọc A không còn, việc duy trì hôn nhân không có kết quả nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc A.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Vũ Ngọc P, sinh ngày 23/5/2013 và Vũ Ngọc H, sinh ngày 18/7/2015. Từ khi hai vợ chồng sống ly thân anh M là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con. Nay ly hôn, anh M đề nghị Toà án giao cả hai con cho anh nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh M không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc A: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã thông báo cho gia đình chị Ngọc A cung cấp địa chỉ của chị Ngọc A tại Canada và yêu cầu gia đình chị Ngọc A cho biết kết quả gia đình đã thông báo việc anh M có đơn xin ly hôn với chị Ngọc A để chị Ngọc A gửi lời khai và cung cấp tài liệu, chứng cứ về Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật. Tòa án đã ghi ý kiến của bố đẻ chị Ngọc A là ông Nguyễn Đức T cho thấy: Năm 2016 anh M kết hôn cùng con gái ông là chị Nguyễn Thị Ngọc A, hai bên xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và đến năm 2021 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2023 thì ng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống. Khi gia đình hai bên biết các con mâu thuẫn cũng đã cố gắng khuyên nhủ nhưng không có kết quả. Mặc dù hai con sống chung cùng một nhà nhưng lại ly thân nhau không ai quan tâm đến ai. Đến tháng 10 năm 2023 chị Ngọc A xuất khẩu lao động sang Canada chưa trở về Việt Nam. Gia đình ông vẫn thường xuyên liên lạc với chị Ngọc A qua điện thoại và qua phần mềm zalo với tên tài khoản của ông là Thuận N và con gái ông là Ngọc A, ông cũng đã thông tin đến chị Ngọc A về việc anh M có đơn xin ly hôn với chị tại Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng và gia đình

ông cũng đã nhận được các giấy tờ của Toà án về việc cung cấp địa chỉ của chị Ngọc A tại nước ngoài cho Toà án. Ông đã trao đổi với chị Ngọc A về việc anh M có đơn xin ly hôn với chị, chị Ngọc A có nói với gia đình là hoàn toàn đồng ý ly hôn với anh M nhưng do chị ở xa không thể đến Toà án để giải quyết việc ly hôn của anh M với chị được và cũng đã rất nhiều lần ông đề nghị chị Ngọc A cung cấp địa chỉ cụ thế của chị tại nước ngoài để ông nộp cho Toà nhưng chị Ngọc A không cung cấp nên ông không thể có địa chỉ của chị Ngọc A để nộp cho Toà án.

Về con chung: Anh M và chị Ngọc A có 02 con chung Vũ Ngọc P, sinh ngày 23/5/2013 và Vũ Ngọc H, sinh ngày 18/7/2015. Trước đây khi các cháu mới sinh ra đều mang họ mẹ, sau năm 2021 khi anh M và chị Ngọc A làm thủ tục đăng ký kết hôn mới làm cải chính khai sinh cho các cháu sang họ bố. Từ khi chị Ngọc A sang Canada làm việc thì 02 con đều ở với bố cháu. Nếu Toà án giải quyết cho anh M và chị Ngọc A được ly hôn với nhau ông T đề nghị Toà án căn cứ vào quy định của pháp luật giao cả hai cháu cho anh M nuôi dưỡng vì hiện nay chị Ngọc A đang đi làm xa không có điều kiện chăm sóc các con.

Về tài sản chung: Theo gia đình đây là vấn đề riêng tư nên ông T không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của Nguyên đơn và các tài liệu Tòa án đã thu thập thể hiện mâu thuẫn của anh M và chị Ngọc A đã căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho ly hôn giữa anh Vũ Ngọc M và chị Nguyễn Thị Ngọc A.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Vũ Ngọc P, sinh ngày 23/5/2013 và Vũ Ngọc H, sinh ngày 18/7/2015. Từ khi hai bên sống ly thân cả hai con đều ăn ở, sinh hoạt ổn định cùng anh M. Nay anh M có nguyện vọng được nuôi con, quá trình giải quyết vụ án chị Ngọc A không có ý kiến trình bày quan điểm về vấn đề con chung. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị HĐXX không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh M và chị Ngọc A.

Về tài sản chung: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về án phí: Anh M phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Bị đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Số A H, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng. Nơi ở hiện nay: Canada; nguyên đơn là anh Vũ Ngọc M, sinh năm 1995; ĐKHKTT: Số A H, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số E Đ, phường M, quận H, thành phố Hải Phòng; căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, anh M vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị Nguyễn Thị Ngọc A vắng mặt không có lý do mặc dù đã được tống đạt, thông báo hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Ngọc M và chị Nguyễn Thị Ngọc A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Hải Phòng vào ngày 13 tháng 7 năm 2021, tuân thủ đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng đến đầu năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn do hai bên bất đồng nhau về quan điểm sống, lối sống. Hai bên đã tự sống ly thân nhau từ tháng 8/2023 cho đến nay. Tháng 10 năm 2023 chị Ngọc A đã sang Canada sinh sống, làm việc và chưa trở lại Việt Nam. Từ khi chị Ngọc A xuất cảnh sang Canada anh M và chị Ngọc A không còn liên lạc gì với nhau, hiện tại anh M cũng không biết chính xác địa chỉ nơi ở của chị Ngọc A tại Canada. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh M và chị Ngọc A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Vũ Ngọc M xin ly hôn chị Nguyễn Thị Ngọc A là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Anh M và chị Ngọc A có 02 con chung là Vũ Ngọc P, sinh ngày 23/5/2013 và Vũ Ngọc H, sinh ngày 18/7/2015. Trong quá trình giải quyết ly hôn anh M có ý kiến đề nghị Tòa án giao cả hai con cho anh nuôi dưỡng. Kể từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm xét xử chị Ngọc A đã được Tòa án thông báo đến làm việc rất nhiều lần nhưng chị không đến cũng như không có ý kiến trình bày quan điểm của mình về vấn đề con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi anh M và chị Ngọc A sống ly thân nhau, cháu P và cháu H sống ổn định cùng với anh M, các cháu cũng có đơn gửi Toà án đề nghị được ở với bố nếu Toà án

giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho anh M nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp với điều kiện thực tế, nguyện vọng của các con cũng như phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh M không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết do vậy HĐXX không đặt ra vấn đề giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Anh Vũ Ngọc M không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Anh Vũ Ngọc M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 51; Điều 56; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Ngọc M được ly hôn chị Nguyễn Thị Ngọc A.

- Về nuôi con chung: Giao con chung Vũ Ngọc P, sinh ngày 23 tháng 5 năm 2013 và Vũ Ngọc H, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2015 cho anh Vũ Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con thành niên đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Anh Vũ Ngọc M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Số tiền trên anh M đã nộp đủ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000349, ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Về quyền kháng cáo:

Anh Vũ Ngọc M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Chị Nguyễn Thị Ngọc A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
-UBND phường Hồ Nam,quận Lê Chân,TP Hải Phòng (GCNKH ngày 13/7/2021);
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HS.

Lê Thị Hải Yến